

Số: **2151**/STC-QLNS

Tuyên Quang, ngày **23** tháng 8 năm 2023

V/v đề nghị đăng tải dự thảo
Quyết định của UBND tỉnh về ban
hành Quy định tổ chức, hoạt động và
quản lý, sử dụng Quỹ Phát triển đất
tỉnh Tuyên Quang

Kính gửi: Sở Thông tin và truyền thông.

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015.

Thực hiện Văn bản số 5163/UBND-TC ngày 08/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc xây dựng các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh liên quan Quỹ Phát triển đất.

Để Sở Tài chính hoàn thiện dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định tổ chức, hoạt động và quản lý, sử dụng Quỹ Phát triển đất tỉnh Tuyên Quang, Sở Tài chính trân trọng đề nghị nghị Sở Thông tin và Truyền thông: Đăng tải Dự thảo Tờ trình và dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh mục góp ý dự thảo văn bản để lấy ý kiến nhân dân trong 30 ngày; hết thời gian đăng tải đề nghị Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp ý kiến đóng góp của nhân dân trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Tuyên Quang gửi Sở Tài chính để tổng hợp, hoàn thiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

(Dự thảo Tờ trình và dự thảo Quyết định được đăng tải trên Website của Sở Tài chính tại địa chỉ <http://sotaichinh.tuyenquang.gov.vn> và được gửi trên hệ thống quản lý văn bản điều hành của các cơ quan, đơn vị).

Sở Tài chính trân trọng đề nghị Quý cơ quan phối hợp thực hiện.!

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (thay báo cáo);
- Trang Website Sở Tài chính;
- Văn phòng Sở;
- Lưu: VT; QLNS (Hh).

GIÁM ĐỐC



Hà Trung Kiên



Tuyên Quang, ngày tháng 8 năm 2023

TỜ TRÌNH**Về việc đề nghị ban hành Quyết định của UBND tỉnh ban hành Quy định tổ chức, hoạt động và quản lý, sử dụng Quỹ Phát triển đất tỉnh Tuyên Quang**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015.

Căn cứ Báo cáo số: /BC-STP ngày /8/2023 của Sở Tư pháp về kết quả thẩm định dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định tổ chức, hoạt động và quản lý, sử dụng Quỹ Phát triển đất tỉnh Tuyên Quang.

Sở Tài chính kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định tổ chức, hoạt động và quản lý, sử dụng Quỹ Phát triển đất tỉnh Tuyên Quang như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN**1. Việc thành lập Quỹ**

Quỹ Phát triển đất tỉnh Tuyên Quang được UBND tỉnh quyết định thành lập năm 2011 tại Quyết định số 88/QĐ-UBND ngày 24/02/2011 về việc thành lập và ban hành Điều lệ hoạt động của Quỹ Phát triển đất tỉnh Tuyên Quang và Quyết định số 107/QĐ-UBND ngày 23/4/2013 của UBND tỉnh về việc sửa đổi Điều 9 Điều lệ hoạt động của Quỹ Phát triển đất ban hành kèm theo Quyết định số 88/QĐ-UBND.

Việc quyết định thành lập Quỹ Phát triển đất tỉnh Tuyên Quang trên cơ sở Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003; Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16/12/2002; Luật Đất đai ngày 26/11/2003; Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; Quyết định số 40/2010/QĐ-TTg ngày 12/5/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế mẫu về quản lý, sử dụng Quỹ phát triển đất và đảm bảo phù hợp với điều kiện và tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

2. Nguồn vốn hoạt động của Quỹ

Nguồn vốn hoạt động của Quỹ theo Quyết định số 88/QĐ-UBND: Từ khi thành lập quỹ tới ngày 30/6/2022: Hàng năm các huyện, thành phố trích 30% từ nguồn thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, tiền thu từ đấu giá quyền sử dụng đất (sau khi trừ các khoản chi để bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và các chi phí có liên quan khác). Từ ngày 01/7/2022 đến nay: Thực hiện Công văn số 4507/BTC-QLCS ngày 19/5/2022 của Bộ Tài chính về hoạt động của Quỹ Phát triển đất địa

phương, UBND tỉnh đã tạm dừng việc trích lập quỹ phát triển đất từ nguồn thu tiền sử dụng đất.

Số dư Quỹ Phát triển đất tới thời điểm 30/6/2023: 575.893,7 triệu đồng (trong đó dư tạm ứng 218.026,3 triệu đồng; dư tiền gửi tại Kho bạc Nhà nước Tuyên Quang là 357.748,2 triệu đồng; dư tiền gửi tại Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh nhận ủy thác là 119,2 triệu đồng).

3. Hoạt động của Quỹ

Quỹ hoạt động theo nguyên tắc bảo toàn vốn, bù đắp chi phí phát sinh trong quá trình hoạt động và không vì mục đích lợi nhuận. Kể từ khi thành lập Quỹ, Sở Tài chính (cơ quan được UBND tỉnh giao quản lý, thực hiện các nhiệm vụ của Quỹ Phát triển đất của tỉnh) đã bám sát chủ trương, chỉ đạo của UBND tỉnh và Hội đồng quản lý Quỹ để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, duy trì tốt hoạt động của Quỹ theo điều lệ tổ chức hoạt động đã được phê duyệt. Quỹ đã hoàn thành tốt nhiệm vụ ứng vốn trong lĩnh vực bồi thường, hỗ trợ và tái định cư phục vụ phát triển KTXH của tỉnh, giải quyết các thủ tục liên quan đến ứng vốn đảm bảo hiệu quả, chặt chẽ, đúng mục đích, đúng thẩm quyền. Quản lý chặt chẽ vốn ứng đồng thời tăng cường kiểm tra đánh giá hiệu quả các dự án đã ứng vốn.

Từ khi Quỹ thành lập theo Quyết định số 88/QĐ-UBND, trên cơ sở phê duyệt của cấp có thẩm quyền đã bố trí vốn ứng cho các công trình, dự án theo đúng quy định. Quỹ đã cho ứng 60 dự án với tổng kinh phí 455.372,11 triệu đồng. Kết quả thu hồi vốn ứng: tới thời điểm hiện tại có 22 công trình, dự án đã hoàn trả vốn ứng số tiền là 237.345,79 triệu đồng; trong đó có 05 công trình, dự án hoàn trả quá thời hạn quy định trong hợp đồng do công trình chưa được bố trí vốn kịp thời; tổng dư nợ vốn ứng đến ngày 30/6/2023 là 218.026,32 triệu đồng.

Với nguồn vốn cho ứng của Quỹ, các dự án đã có kinh phí kịp thời để thực hiện cho việc chi trả bồi thường giải phóng mặt bằng, hỗ trợ và tái định cư cho người bị thu hồi đất, tạo điều kiện cho chủ đầu tư sớm triển khai các dự án.

Quỹ Phát triển đất thực hiện ủy thác cho Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh thực hiện cho ứng và thu hồi các khoản tiền ứng của Quỹ Phát triển đất tỉnh. Hàng năm, Quỹ Phát triển đất đều có văn bản đề nghị Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư trên cơ sở Kế hoạch đầu tư và xây dựng hàng năm tỉnh Tuyên Quang đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và việc bố trí kế hoạch vốn đầu tư ngân sách huyện, thành phố để đơn đốc thu hồi nợ đối với các huyện, thành phố và đơn vị còn dư tạm ứng Quỹ Phát triển đất tỉnh theo quy định tại điểm 1.1, khoản 1, Điều 6 Hợp đồng ủy thác số 01/2013/HĐUT ngày 22/10/2013 ký giữa Quỹ Phát triển đất tỉnh Tuyên Quang và Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Tuyên Quang.

4. Sự cần thiết xây dựng Quyết định về Quy định tổ chức, hoạt động và quản lý, sử dụng Quỹ Phát triển đất tỉnh Tuyên Quang

4.1. Cơ sở pháp lý

Tới thời điểm hiện tại có 04/05 căn cứ ban hành Quyết định số 88/QĐ-UBND đã được bãi bỏ, thay thế gồm:

- Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003 được thay thế bởi Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019; Khoản 2, Điều 57 Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017.

- Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16/12/2002 được thay thế bởi Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/06/2015.

- Luật Đất đai ngày 26/11/2003 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đất đai được thay thế bởi Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

- Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được thay thế bởi Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai.

Đối với Quyết định số 40/2010/QĐ-TTg ngày 12/5/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế mẫu về quản lý, sử dụng Quỹ phát triển đất:

- Theo nội dung Công văn số 4507/BTC-QLCS ngày 19/5/2022 của Bộ Tài chính, Bộ Tài chính đã xác định cụ thể các văn bản làm căn cứ ban hành Quyết định số 40/2010/QĐ-TTg đã được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, nguyên tắc những nội dung nào quy định trong Quyết định số 40/2010/QĐ-TTg không còn phù hợp với pháp luật thì không có giá trị thực hiện.

- Đồng thời Bộ Tài chính đang xây dựng dự thảo Nghị quyết của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển đất theo quy định của pháp luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật để trình Chính phủ xem xét, ban hành (đã xin ý kiến địa phương lần 1). Tuy nhiên đến nay Nghị quyết của Chính phủ chưa được ban hành để các địa phương làm căn cứ tổ chức thực hiện.

4.2. Về nội dung hoạt động của Quỹ phát triển đất

Theo ý kiến chỉ đạo của Bộ Tài chính tại Công văn số 4507/BTC-QLCS ngày 19/5/2022 và Công văn số 8114/BTC-QLGCS ngày 15/8/2022, hiện nay một số nội dung tại Quyết định số 88/QĐ-UBND không còn phù hợp, cụ thể bao gồm:

4.2.1. Khoản 2 Công văn số 4507/BTC-QLCS ngày 19/5/2022 của Bộ Tài chính quy định: “(i) Không sử dụng nguồn thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, đấu giá quyền sử dụng đất để trích lập Quỹ” và khoản 1 Công văn số 8114/BTC-QLGCS ngày 15/8/2022 của Bộ Tài chính quy định: “...Việc sử dụng ngân sách nhà nước (bao gồm cả tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đã nộp vào ngân sách nhà nước) để hỗ trợ vốn điều lệ, cấp vốn điều lệ cho Quỹ phát triển đất thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước (khoản 11 Điều 8 Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015), pháp luật về đầu tư công (khoản 4 Điều 3, Điều 41, Điều 42 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ)...”.

Như vậy quy định tại Điều 10¹ Điều lệ hoạt động ban hành kèm theo Quyết định số 88/QĐ-UBND là chưa phù hợp với quy định hiện hành của pháp luật về NSNN và đầu tư công. Đồng thời tại Quyết định số 88/QĐ-UBND chưa quy định vốn điều lệ của Quỹ.

4.2.2. Mục 2 Công văn số 4507/BTC-QLCS ngày 19/5/2022 và mục 4 Công văn số 8114/BTC-QLGCS ngày 15/8/2022 của Bộ Tài chính quy định: *“(iv) Nguồn vốn của Quỹ phát triển đất do ngân sách nhà nước cấp, hỗ trợ hoặc thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước phải mở tài khoản tại Kho bạc nhà nước để thực hiện quản lý, kiểm soát theo quy định...”*

Như vậy, theo nội dung Điều 1² Quyết định số 88/QĐ-UBND và mở tài khoản tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Chi nhánh tỉnh Tuyên Quang chưa phù hợp với quy định tại Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ.

4.2.3. Để thực hiện các nội dung theo hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Công văn số 4507/BTC-QLCS ngày 19/5/2022 và Công văn số 8114/BTC-QLGCS ngày 15/8/2022, Sở Tài chính đã tham mưu UBND tỉnh một số nội dung cụ thể như sau:

Sở Tài chính đã có Công văn số 1353/STC-QLNS ngày 08/06/2022 báo cáo UBND tỉnh cho phép tạm dừng việc trích lập Quỹ Phát triển đất tỉnh từ nguồn thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, đấu giá quyền sử dụng đất từ năm 2022; cho phép Sở Tài chính (Quỹ Phát triển đất tỉnh) thực hiện chuyển số dư Quỹ Phát triển đất đang theo dõi trên tài khoản mở tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Chi nhánh tỉnh Tuyên Quang sang tài khoản mở tại Kho bạc nhà nước Tuyên Quang để thực hiện quản lý, kiểm soát theo quy định.

Thực hiện Công văn số 2608/UBND-TC ngày 08/7/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính đã có Công văn số 1764/STC-QLNS ngày 28/7/2022 hướng dẫn UBND các huyện, thành phố tạm dừng trích lập Quỹ Phát triển đất từ ngày 01/7/2022 và đề nghị UBND các huyện, thành phố không sử dụng nguồn thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, đấu giá quyền sử dụng đất để hoàn trả vốn ứng từ Quỹ Phát triển đất theo hướng dẫn tại Công văn số 4507/BTC-QLCS ngày 19/5/2022 của Bộ Tài chính. Đồng thời, phối hợp với Kho bạc nhà nước Tuyên Quang thực hiện các nhiệm vụ theo chức năng, thẩm quyền theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách

¹ 1. Nguồn vốn hoạt động của Quỹ bao gồm vốn nhà nước cấp và các nguồn vốn hợp pháp khác.

2. Mức vốn nhà nước cấp cho Quỹ do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định khi quyết định thành lập Quỹ. Việc thay đổi vốn nhà nước cấp trong quá trình hoạt động do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ.

3. Hàng năm, trích 30% từ nguồn thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, tiền thu từ đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh, thành phố (sau khi trừ các khoản chi để bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và các chi phí có liên quan khác) để đảm bảo duy trì mức vốn nhà nước cấp cho Quỹ theo quy định tại khoản 2 Điều này. Mức trích cụ thể do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định căn cứ vào dự toán ngân sách nhà nước được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định.

4. Các nguồn vốn hợp pháp khác của Quỹ gồm: vốn viện trợ, tài trợ, hỗ trợ của các tổ chức quốc tế, tổ chức và cá nhân trong nước và ngoài nước theo chương trình hoặc dự án viện trợ, tài trợ theo quy định của pháp luật.

² Quỹ Phát triển đất tỉnh là tổ chức tài chính nhà nước, trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập; có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và các tổ chức tín dụng để hoạt động theo quy định của pháp luật

Nhà nước và các quy định của pháp luật hiện hành và chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 2608/UBND-TC ngày 08/7/2022 của UBND tỉnh.

4.3. Từ các nội dung nêu trên, trong thời gian Nghị quyết của Chính phủ chưa được ban hành, để đảm bảo việc tổ chức hoạt động của Quỹ Phát triển đất tỉnh Tuyên Quang tuân thủ theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về ngân sách nhà nước hiện hành, việc xây dựng trình UBND tỉnh ban hành Quyết định về Quy định tổ chức, hoạt động và quản lý, sử dụng Quỹ Phát triển đất tỉnh Tuyên Quang là rất cần thiết và đầy đủ cơ sở pháp lý.

Việc trình UBND tỉnh ban hành Quyết định về Quy định tổ chức, hoạt động và quản lý, sử dụng Quỹ Phát triển đất tỉnh Tuyên Quang là căn cứ để khắc phục những nội dung tại Quyết định số 88/QĐ-UBND chưa phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành về NSNN, đất đai, đầu tư công (do các căn cứ pháp lý ban hành Quyết định số 88/QĐ-UBND đã được thay thế).

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG VĂN BẢN

1. Mục đích

Việc xây dựng Quyết định của UBND tỉnh ban hành Quy định tổ chức, hoạt động và quản lý, sử dụng Quỹ Phát triển đất tỉnh Tuyên Quang là căn cứ khắc phục những nội dung tại Quyết định số 88/QĐ-UBND chưa phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành về NSNN, đất đai, đầu tư công. Và theo đề nghị của Bộ Tài chính tại Công văn số 4507/BTC-QLCS ngày 19/5/2022: *“Đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương rà soát lại toàn bộ hoạt động của Quỹ Phát triển đất (về nguồn vốn hoạt động của Quỹ, nhiệm vụ của Quỹ, việc hoàn trả vốn ứng cho Quỹ...) đảm bảo hoạt động của Quỹ phát triển đất tuân thủ quy định của pháp luật đất đai, pháp luật về ngân sách nhà nước hiện hành và pháp luật khác có liên quan; trường hợp có nội dung quy định hoặc thực hiện chưa phù hợp với quy định của pháp luật thì phải điều chỉnh lại cho phù hợp...”*.

Thiết lập khung pháp lý đầy đủ, đồng bộ, đảm bảo thống nhất, phù hợp với quy định pháp luật có liên quan và làm cơ sở để tổ chức thực hiện.

2. Quan điểm

Phù hợp với quy định của pháp luật, đúng phân cấp, trình tự, thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành về NSNN, đất đai, đầu tư công và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

Tập trung khắc phục những nội dung không còn phù hợp tại Quyết định số 88/QĐ-UBND và đảm bảo đúng các nguyên tắc theo hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Công văn số 4507/BTC-QLCS ngày 19/5/2022 và Công văn số 8114/BTC-QLGCS ngày 15/8/2022.

III. CĂN CỨ SOẠN THẢO VÀ BAN HÀNH VĂN BẢN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức

chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019; Khoản 2, Điều 57 Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013; Điều 6 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019; Khoản 2 Điều 99 Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư ngày 18 tháng 6 năm 202; Khoản 3 Điều 169 Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020; Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự ngày 11 tháng 01 năm 2022;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; khoản 3 Điều 217 Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Điều 1 Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ Sửa đổi một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường; khoản 3 Điều 2 Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa; Điều 1 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Điều 11 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; Điều 1 Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ về việc quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ ý kiến Kết luận của Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy kỳ thứ 36 ngày 01/7/2023;

Căn cứ Văn bản số 5163/UBND-TC ngày 08/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc xây dựng các Quyết định của UBND tỉnh liên quan Quỹ Phát triển đất.

Các ý kiến tham gia của các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố vào dự thảo Quyết định của UBND tỉnh ban hành Quy định tổ chức, hoạt động và quản lý, sử dụng Quỹ Phát triển đất tỉnh Tuyên Quang (*Có Biểu tổng hợp ý kiến tham gia kèm theo*).

IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH

Sở Tài chính đã dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định tổ chức, hoạt động và quản lý, sử dụng Quỹ Phát triển đất tỉnh Tuyên Quang xin ý kiến tham gia 02 lần của các cơ quan, đơn vị liên quan.

Sau khi tổng hợp các ý kiến tham gia của Sở Tư pháp; Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài nguyên và Môi trường; Kho bạc Nhà nước Tuyên Quang; Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Sở Tài chính đã chỉnh sửa, hoàn thiện dự thảo Quyết định Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định tổ chức, hoạt động và quản lý, sử dụng Quỹ Phát triển đất tỉnh Tuyên Quang.

V. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH

Dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành Quy định tổ chức, hoạt động và quản lý, sử dụng Quỹ Phát triển đất tỉnh Tuyên Quang, gồm: Quyết định ban hành và Quy định kèm theo.

a) Quyết định ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển đất tỉnh Tuyên Quang, gồm 03 Điều:

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển đất tỉnh Tuyên Quang.

Điều 2: Tổ chức thực hiện.

Điều 3: Điều khoản thi hành.

b) Quy định tổ chức, hoạt động và quản lý, sử dụng của Quỹ Phát triển đất tỉnh Tuyên Quang, gồm 07 Chương, 22 Điều:

Chương I: Quy định chung (gồm các quy định: Phạm vi điều chỉnh; Đối tượng áp dụng; Nguyên tắc tổ chức, hoạt động và quản lý, sử dụng Quỹ).

Chương II: Nhiệm vụ và quyền hạn (gồm các quy định: Nhiệm vụ; Quyền hạn của Quỹ).

Chương III: Cơ cấu tổ chức (gồm các quy định: Cơ cấu tổ chức của Quỹ; Hội đồng quản lý Quỹ; Ban kiểm soát Quỹ; Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ).

Chương IV: Quản lý, sử dụng Quỹ (gồm các quy định: Quản lý, sử dụng vốn; Điều kiện ứng vốn; Thẩm quyền quyết định ứng vốn; Trình tự ứng vốn; Hoàn trả vốn ứng; Sử dụng và kiểm tra tình hình sử dụng vốn ứng; Phí ứng vốn).

Chương V: Ủy thác.

Chương VI: Cơ chế tài chính (gồm các quy định: Cơ chế tài chính; Nguồn thu và nhiệm vụ chi từ nguồn thu của Quỹ; Chế độ kế toán, kiểm toán).

Chương VII: Tổ chức thực hiện (gồm các quy định: Quy định chuyển tiếp; Tổ chức thực hiện).

Sở Tài chính kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh Dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định tổ chức, hoạt động và quản lý, sử dụng của Quỹ Phát triển đất tỉnh Tuyên Quang.

(Xin gửi kèm theo: Dự thảo Quyết định của UBND tỉnh; Tổng hợp, giải trình ý kiến tham gia của các đơn vị; Bản chụp các văn bản tham gia ý kiến của các cơ quan, đơn vị; Tổng hợp, giải trình Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp).

Nơi nhận:

- Như trên (để trình);
- Lưu: VT, QLNS (Hh).

GIÁM ĐỐC

Hà Trung Kiên

Số: .../2023/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày tháng năm 2023



QUYẾT ĐỊNH

**Kê việc Ban hành Quy định tổ chức, hoạt động và quản lý,
sử dụng Quỹ Phát triển đất tỉnh Tuyên Quang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019; Khoản 2, Điều 57 Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013; Điều 6 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019; Khoản 2 Điều 99 Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư ngày 18 tháng 6 năm 202; Khoản 3 Điều 169 Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020; Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự ngày 11 tháng 01 năm 2022;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; khoản 3 Điều 217 Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Điều 1 Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ Sửa đổi một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường; khoản 3 Điều 2 Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa; Điều 1 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Điều 11 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; Điều 1 Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
VỀ TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG VÀ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG
QUỸ PHÁT TRIỂN ĐẤT TỈNH TUYÊN QUANG
(Ban hành kèm theo Quyết định số: .../2023/QĐ-UBND
ngày ... tháng ... năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý, sử dụng của Quỹ Phát triển đất tỉnh Tuyên Quang (sau đây gọi tắt là Quỹ), bao gồm: Nguyên tắc; nhiệm vụ, quyền hạn; cơ cấu tổ chức; quản lý và sử dụng tài chính của Quỹ; ủy thác; cơ chế tài chính của Quỹ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với Quỹ và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động tiếp nhận vốn, thực hiện ứng vốn từ Quỹ và các nhiệm vụ khác liên quan đến Quỹ.

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động và quản lý, sử dụng Quỹ

- Quỹ hoạt động không vì mục đích lợi nhuận nhưng phải bảo toàn vốn điều lệ và tự bù đắp chi phí phát sinh trong quá trình hoạt động.
- Việc quản lý, sử dụng Quỹ phải công khai, minh bạch, đúng mục đích, hiệu quả và phù hợp với quy định của pháp luật.
- Quỹ hoạt động theo phương thức ủy thác cho Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Tuyên Quang thực hiện tạm ứng và thu hồi vốn tạm ứng của Quỹ.

Chương II
NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Điều 4. Nhiệm vụ của Quỹ

- Tiếp nhận, quản lý và sử dụng nguồn vốn của Quỹ theo quy định.
- Ứng vốn để thực hiện nhiệm vụ theo Quy định này và thực hiện thu hồi vốn ứng theo quy định.
- Báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đình chỉ, thu hồi vốn đã ứng khi phát hiện tổ chức nhận vốn ứng vi phạm quy định về sử dụng vốn ứng.
- Quản lý vốn và tài sản của Quỹ theo quy định của pháp luật.

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ về việc quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số.../TTr-STC ngày .../.../2023 về việc đề nghị ban hành Quyết định về quy định tổ chức, hoạt động và quản lý, sử dụng Quỹ Phát triển đất tỉnh Tuyên Quang.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý, sử dụng Quỹ Phát triển đất tỉnh Tuyên Quang.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng quản lý Quỹ Phát triển đất tỉnh Tuyên Quang chịu trách nhiệm chỉ đạo hoạt động của Quỹ theo đúng Quy định tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển đất tỉnh Tuyên Quang và các quy định hiện hành của nhà nước.

2. Giám đốc Sở: Nội vụ, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư căn cứ chức năng, nhiệm vụ ngành, lĩnh vực phụ trách có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra Quỹ Phát triển đất tỉnh Tuyên Quang tổ chức các hoạt động theo đúng quy định của pháp luật và Quy định ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Quyết định này thay thế Quyết định số 88/QĐ-UBND ngày 24/3/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc thành lập và ban hành Điều lệ hoạt động Quỹ Phát triển đất tỉnh Tuyên Quang và Quyết định số 107/QĐ-UBND ngày 23/4/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc sửa đổi Điều 9 Điều lệ hoạt động của Quỹ Phát triển đất ban hành kèm theo Quyết định số 88/QĐ-UBND ngày 24/02/2011.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng quản lý Quỹ Phát triển đất tỉnh Tuyên Quang, Giám đốc Quỹ Phát triển đất tỉnh Tuyên Quang, Giám đốc Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Tuyên Quang; Giám đốc các Sở: Nội vụ, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Kho bạc Nhà nước Tuyên Quang và Thủ trưởng các Sở, ban, ngành cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính;
- Bộ Tài nguyên và MT;
- Cục KTVB QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQ và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Như khoản 3, Điều 3;
- Báo TQ, Đài PT&TH tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh; (đăng tải)
- Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Chuyên viên: TH, KT, TC;
- Lưu: VT, (Huy.TC).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Sơn

5. Chấp hành các quy định của pháp luật về quản lý tài chính, kế toán, kiểm toán và các quy định khác liên quan đến hoạt động của Quỹ.

6. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

7. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

Điều 5. Quyền hạn của Quỹ

1. Tổ chức quản lý, điều hành Quỹ hoạt động theo đúng mục tiêu và các nhiệm vụ được giao.

2. Quyết định ứng vốn và thực hiện thu hồi vốn đã ứng khi đến hạn hoặc thu hồi vốn theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Ủy thác cho Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Tuyên Quang thực hiện ứng vốn và thu hồi ứng vốn của Quỹ.

4. Tham gia kiểm tra, đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện chương trình, dự án, đề án đã được Quỹ ứng vốn.

5. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, bổ sung, sửa đổi các quy định về phạm vi, đối tượng được ứng vốn từ Quỹ.

6. Ban hành quy chế, quy trình nghiệp vụ để điều hành hoạt động Quỹ.

Chương III CƠ CẤU TỔ CHỨC

Điều 6. Cơ cấu tổ chức của Quỹ

Cơ cấu tổ chức của Quỹ gồm:

1. Hội đồng quản lý Quỹ;
2. Ban kiểm soát Quỹ;
3. Bộ máy điều hành Quỹ.

Điều 7. Hội đồng quản lý Quỹ

1. Hội đồng quản lý Quỹ có 05 thành viên, gồm: 01 Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch và 03 Ủy viên, trong đó:

- a) Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ là Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.
- b) Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ là Giám đốc Sở Tài chính;
- c) Các ủy viên gồm: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường, Lãnh đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư.
- d) Các thành viên của Hội đồng quản lý Quỹ hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm.
- đ) Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản lý Quỹ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

2. Chế độ làm việc của Hội đồng quản lý Quỹ

a) Hội đồng quản lý Quỹ làm việc theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số, trong trường hợp biểu quyết ngang nhau thì thực hiện theo ý kiến mà Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ biểu quyết. Hội đồng quản lý Quỹ họp thường kỳ 03 tháng một lần để xem xét và quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền. Khi cần thiết, Hội đồng quản lý Quỹ có thể họp bất thường để giải quyết các vấn đề cấp bách của Quỹ theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ hoặc theo đề nghị của Giám đốc Quỹ sau khi được Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ chấp thuận.

b) Các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ phải có ít nhất 2/3 tổng số thành viên Hội đồng tham dự. Nội dung và kết luận các cuộc họp Hội đồng quản lý Quỹ đều phải được ghi thành Biên bản hoặc Nghị quyết và được gửi đến tất cả các thành viên của Hội đồng quản lý Quỹ.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản lý Quỹ

a) Hội đồng quản lý Quỹ hoạt động theo quy định tại Quy định này và các quy định của pháp luật khác có liên quan;

b) Tiếp nhận, quản lý và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật;

c) Được sử dụng con dấu của Quỹ và bộ máy điều hành nghiệp vụ của Quỹ để thực hiện nhiệm vụ của Hội đồng quản lý Quỹ;

d) Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, kỷ luật và các chế độ chính sách khác đối với các thành viên của Ban kiểm soát Quỹ theo đề nghị của Trưởng Ban Kiểm soát Quỹ;

đ) Quyết định kế hoạch tài chính và báo cáo tài chính hàng năm của Quỹ;

e) Chịu trách nhiệm tập thể về hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ và chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc được phân công trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật;

g) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao theo quy định của pháp luật.

h) Trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định cấp, bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ.

4. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các Ủy viên Hội đồng quản lý Quỹ

4.1. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ

a) Chịu trách nhiệm về công việc của Hội đồng quản lý Quỹ, tổ chức phân công nhiệm vụ cho các thành viên để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản lý Quỹ.

b) Ký, ban hành các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản lý Quỹ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và gửi các cơ quan có liên quan theo quy định tại Quy định này và các quy định khác có liên quan.

c) Ký, ban hành các nghị quyết, quyết định và các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản lý Quỹ.

d) Triệu tập, chủ trì và phân công các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu cho các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ.

đ) Ủy quyền cho các thành viên Hội đồng quản lý thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng. Thành viên được ủy quyền chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ về các công việc được ủy quyền.

e) Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, bổ nhiệm lại hoặc miễn nhiệm chức danh Giám đốc Quỹ.

g) Bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh: Trưởng ban kiểm soát Quỹ; kế toán Quỹ.

h) Phân công Giám đốc Quỹ quản lý các hoạt động nghiệp vụ của Quỹ.

i) Chịu trách nhiệm về các quyết định trước Hội đồng Quản lý Quỹ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

k) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

4.2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ

a) Thực hiện nhiệm vụ thường trực Hội đồng quản lý Quỹ.

b) Phụ trách các nhiệm vụ theo sự phân công trong Hội đồng quản lý Quỹ.

c) Được Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ ủy quyền điều hành trong thời gian vắng mặt.

4.3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy viên Hội đồng quản lý Quỹ

a) Dự họp, thảo luận, kiến nghị, biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản lý Quỹ; cho ý kiến vào phiếu xin ý kiến thành viên Hội đồng quản lý Quỹ khi không tổ chức họp Hội đồng quản lý Quỹ.

b) Thực hiện các nhiệm vụ và trách nhiệm khác theo quyết định bổ nhiệm, Quy định này và pháp luật có liên quan.

d) Giải trình và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ về việc không dự họp; chậm trễ hoặc không tham gia ý kiến thuộc thẩm quyền của thành viên Hội đồng quản lý Quỹ khi Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ yêu cầu.

Điều 8. Ban kiểm soát Quỹ

1. Ban kiểm soát Quỹ có 03 thành viên gồm: Trưởng ban Kiểm soát và 02 kiểm soát viên. Trưởng Ban Kiểm soát Quỹ do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ bổ nhiệm, miễn nhiệm trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính. Các thành viên Ban kiểm soát Quỹ do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Trưởng ban kiểm soát Quỹ.

b) Các thành viên Ban kiểm soát Quỹ hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm.

c) Các thành viên Ban Kiểm soát thực hiện các nhiệm vụ theo sự phân công của Trưởng ban và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nhiệm vụ được giao. Trưởng Ban Kiểm soát ủy quyền cho một thành viên của Ban thực hiện nhiệm vụ của Trưởng ban khi vắng mặt.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát Quỹ:

a) Xây dựng chương trình, kế hoạch công tác trình Hội đồng quản lý Quỹ quyết định và tổ chức triển khai thực hiện.

b) Theo dõi tình hình quản lý, sử dụng Quỹ.

c) Kiểm tra, giám sát hoạt động của Quỹ theo quy định của pháp luật và các quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ; báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ và người có thẩm quyền về kết quả kiểm tra, giám sát và kiến nghị biện pháp xử lý.

d) Không được thông báo kết quả kiểm tra, kiểm soát khi chưa được Hội đồng quản lý Quỹ cho phép.

đ) Trưởng Ban kiểm soát hoặc thành viên của Ban kiểm soát do Trưởng Ban kiểm soát ủy quyền được tham dự và tham gia ý kiến tại các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ nhưng không có quyền biểu quyết.

e) Ban kiểm soát Quỹ chủ động, kịp thời báo cáo với Hội đồng quản lý Quỹ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh những hoạt động không bình thường, có dấu hiệu vi phạm pháp luật, hoặc các vi phạm trong việc quản lý tài chính của bộ máy điều hành nghiệp vụ Quỹ.

g) Các thành viên Ban kiểm soát Quỹ có trách nhiệm bảo vệ bí mật về thông tin theo quy định của Quỹ và các quy định của pháp luật.

h) Ban kiểm soát Quỹ được sử dụng con dấu của Quỹ đối với các văn bản, hồ sơ, tài liệu thuộc phạm vi, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát.

Điều 9. Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ

1. Cơ cấu tổ chức

a) Giám đốc Quỹ là Giám đốc Sở Tài chính.

b) Giám đốc Quỹ được sử dụng bộ máy giúp việc của Sở Tài chính để điều hành và thực hiện nhiệm vụ của Quỹ.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Giám đốc Quỹ

a) Giám đốc Quỹ là người đại diện pháp nhân của Quỹ, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản lý Quỹ và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động nghiệp vụ của Quỹ.

b) Trình Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ ứng vốn theo phân cấp.

c) Thực hiện ủy thác sang Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Tuyên Quang để thực hiện cho ứng và thu hồi các khoản tiền ứng từ Quỹ theo quy định.

d) Báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình tiếp nhận vốn, ứng vốn, chi hỗ trợ và các hoạt động khác của Quỹ với Hội đồng quản lý Quỹ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

đ) Trình Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ theo quy định tại Quy định này và các quy định hiện hành của nhà nước;

e) Quản lý, sử dụng vốn, tài sản và các nguồn lực khác của Quỹ theo các quy định của pháp luật.

Chương IV

QUẢN LÝ, SỬ DỤNG QUỸ

Điều 10. Quản lý, sử dụng vốn của Quỹ

1. Quản lý nguồn vốn hoạt động của Quỹ

Quỹ mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước đối với nguồn vốn do ngân sách nhà nước cấp, hỗ trợ hoặc thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước để thực hiện quản lý, kiểm soát theo quy định; đối với khoản thu không thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước được mở tài khoản tại Kho bạc nhà nước và các tổ chức tín dụng.

2. Sử dụng nguồn vốn hoạt động của Quỹ

a) Nguồn vốn hoạt động của Quỹ được sử dụng để ứng vốn cho Tổ chức phát triển quỹ đất và các tổ chức khác để thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng, tạo quỹ đất và phát triển quỹ đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

b) Thực hiện các nhiệm vụ ứng vốn theo chủ trương của Ủy ban nhân dân tỉnh đảm bảo theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Điều kiện ứng vốn

Quỹ thực hiện ứng vốn cho các Tổ chức phát triển quỹ đất và các tổ chức khác thực hiện các nhiệm vụ theo quy định khi có đủ các điều kiện sau:

1. Là các tổ chức được giao thực hiện nhiệm vụ theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

2. Nhiệm vụ phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt; thuộc quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

3. Có phương án, kế hoạch sử dụng vốn ứng và hoàn trả vốn ứng.

Điều 12. Thẩm quyền quyết định ứng vốn

1. Các nhiệm vụ ứng vốn phải được UBND tỉnh đồng ý về chủ trương ứng vốn.

2. Giám đốc Quỹ căn cứ chủ trương của UBND tỉnh thực hiện:

a) Trình Hội đồng quản lý Quỹ quyết định ứng vốn cho các dự án có mức vốn ứng dưới 10 (mười) tỷ đồng.

b) Trình Hội đồng quản lý Quỹ để trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định ứng vốn cho các dự án có mức vốn ứng từ 10 (mười) tỷ đồng trở lên.

Điều 13. Trình tự ứng vốn

1. Hồ sơ đề nghị ứng vốn của Tổ chức phát triển quỹ đất và các tổ chức khác

a) Văn bản đề nghị ứng vốn của tổ chức ứng vốn (bản chính).

b) Quyết định phê duyệt dự án đầu tư được cấp thẩm quyền duyệt; Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (bản sao).

c) Phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng hoặc Dự toán phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt (bản sao).

d) Phương án, kế hoạch sử dụng vốn ứng và hoàn trả vốn ứng do tổ chức ứng vốn lập; trong đó nêu rõ nhu cầu, tiến độ sử dụng vốn ứng phù hợp tiến độ triển khai dự án và phương án hoàn trả vốn ứng (bản chính).

đ) Các văn bản, tài liệu khác có liên quan (nếu có).

2. Trình tự giải quyết hồ sơ ứng vốn

a) Trong thời gian 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ ứng vốn và chủ trương của UBND tỉnh, cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ thẩm định hồ sơ ứng vốn trình cấp có thẩm quyền quyết định ứng vốn theo quy định tại Điều 12 Quy định này hoặc thông báo bằng văn bản cho tổ chức ứng vốn chưa đủ điều kiện ứng vốn.

b) Trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày thẩm định hồ sơ ứng vốn, người có thẩm quyền quyết định ứng vốn quy định tại Điều 15 Quy định này quyết định ứng vốn cho tổ chức đủ điều kiện ứng vốn;

c) Trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định ứng vốn, Quỹ thực hiện hoạt động ủy thác cho Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Tuyên Quang để thực hiện ứng vốn cho tổ chức được ứng vốn theo quy định; Việc ứng vốn có thể thực hiện một lần hoặc nhiều lần căn cứ vào tiến độ thực hiện dự án.

Điều 14. Hoàn trả vốn ứng

1. Tổ chức được ứng vốn để thực hiện những nhiệm vụ tại Quy định này có trách nhiệm hoàn trả vốn đã ứng theo đúng Quyết định ứng vốn.

2. Nguồn hoàn trả vốn ứng

a) Nguồn ngân sách địa phương, nguồn vốn hợp pháp khác, vốn đầu tư của dự án được bố trí trong dự toán chi đầu tư phát triển trong dự toán chi ngân sách nhà nước hàng năm của cấp tương ứng.

b) Không sử dụng trực tiếp nguồn thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, đấu giá quyền sử dụng đất để hoàn trả vốn ứng cho Quỹ trước khi nộp vào ngân sách nhà nước.

c) Việc hoàn trả vốn ứng cho Quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

2. Thời hạn hoàn trả vốn ứng

a) Thời hạn hoàn trả vốn ứng được xác định tại quyết định ứng vốn và hợp đồng ứng vốn.

b) Trường hợp hết thời gian hoàn trả vốn ứng, các đơn vị chưa hoàn trả vốn ứng theo quy định, Quỹ báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ bằng văn bản để Hội đồng quản lý Quỹ xem xét quyết định đình chỉ việc ứng vốn và thu hồi vốn ứng theo quy định.

c) Trường hợp đặc biệt do nguyên nhân khách quan cần kéo dài thêm thời gian hoàn trả ứng vốn, tổ chức được ứng vốn có văn bản đề nghị Quỹ, Giám đốc Quỹ thẩm định, báo cáo theo thẩm quyền (Hội đồng quản lý Quỹ hoặc UBND

tính theo quyết định ứng vốn) xem xét, quyết định gia hạn theo quy định. Thời gian gia hạn không vượt quá thời gian thực hiện nhiệm vụ, dự án.

Điều 15. Sử dụng và kiểm tra tình hình sử dụng vốn ứng

1. Tổ chức ứng vốn có trách nhiệm quản lý, sử dụng vốn ứng đúng mục đích, công khai, minh bạch, có hiệu quả; báo cáo tình hình, kết quả sử dụng vốn ứng theo yêu cầu của Quỹ; đăng ký vốn, thu hồi vốn và hoàn trả vốn ứng, phí ứng vốn (nếu có) theo đúng phương án sử dụng và hoàn trả vốn ứng.

2. Trong trường hợp cần thiết, Giám đốc Quỹ tổ chức kiểm tra việc sử dụng vốn ứng để đảm bảo vốn đã ứng được sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng và có hiệu quả. Kết quả kiểm tra nếu phát hiện tổ chức ứng vốn sử dụng vốn không đúng mục đích thì Giám đốc Quỹ báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ xem xét xử lý thu hồi vốn trước hạn và xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Phí ứng vốn

1. Đối với vốn ứng để thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng và tạo quỹ đất để tái định cư: Mức phí ứng vốn bằng không (=0).

2. Đối với vốn ứng để thực hiện các nhiệm vụ khác: Mức phí ứng vốn được xác định bằng mức chi phí sử dụng ngân quỹ nhà nước theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Phí ứng vốn quá hạn được xác định bằng mức chi phí sử dụng ngân quỹ nhà nước quá hạn theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương V

ỦY THÁC

Điều 17. Ủy thác

1. Quỹ Phát triển đất ký hợp đồng ủy thác với Quỹ Đầu tư phát triển của tỉnh để thực hiện các nhiệm vụ cho ứng vốn và thu hồi các khoản tiền ứng của Quỹ Phát triển đất trên cơ sở các Quyết định phê duyệt của Hội đồng quản lý Quỹ, Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ và của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Quỹ trả phí dịch vụ ủy thác cho Quỹ Đầu tư phát triển và hạch toán vào nội dung chi của Quỹ. Mức phí cụ thể căn cứ theo Quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh và ghi trong hợp đồng ủy thác.

Chương VI

CƠ CHẾ TÀI CHÍNH

Điều 18. Cơ chế tài chính

Quỹ thực hiện cơ chế tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập có thu tự đảm bảo một phần chi phí hoạt động.

Điều 19. Nguồn thu và nhiệm vụ chi từ nguồn thu của Quỹ

1. Nguồn thu của Quỹ bao gồm:

a) Phí ứng vốn theo quy định tại Điều 19 của Quy định này;

- b) Lãi tiền gửi tại các tổ chức tín dụng (nếu có);
- c) Nguồn viện trợ, tài trợ, hỗ trợ;
- d) Các nguồn thu khác theo quy định của pháp luật.
- đ) Nguồn thu quy định tại điểm a, b, c, d khoản này không bao gồm nguồn vốn hoạt động của Quỹ quy định tại Điều 5 Quy định này.

2. Nội dung chi từ nguồn thu của Quỹ

- a) Chi cho cán bộ kiêm nhiệm làm việc cho Quỹ theo quy định.
- b) Chi trả phí uỷ thác.
- c) Chi trả chi phí quản lý tài khoản, phí chuyển tiền.
- d) Chi thực hiện các nhiệm vụ phục vụ cho hoạt động của Quỹ do Hội đồng quản lý Quỹ hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh giao theo quy định
- đ) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Chế độ kế toán, kiểm toán

1. Quỹ tổ chức thực hiện công tác, thông kê, báo cáo theo đúng các quy định của pháp luật.
2. Việc thực hiện kiểm tra, kiểm soát, thanh tra và kiểm toán đối với Quỹ theo quy định của pháp luật.

Chương VII TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 21. Quy định chuyển tiếp

Đối với các khoản ứng vốn đã phát sinh đến trước ngày Quy định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo Quyết định, phương án ứng vốn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 22. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính
 - a) Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan liên quan căn cứ tình hình hoạt động của Quỹ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định bổ sung nguồn vốn hoạt động ngân sách cho Quỹ hàng năm phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh.
 - b) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu bố trí nguồn vốn đầu tư ngân sách địa phương để hoàn trả vốn ứng Quỹ theo quy định
 - c) Căn cứ các quy định của pháp luật chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra hoạt động của Quỹ.
2. Sở Tài nguyên và Môi trường
 - a) Phối hợp với các cơ quan có liên quan xác định nhu cầu vốn bồi thường, giải phóng mặt bằng, tạo quỹ đất và phát triển quỹ đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt để lập kế hoạch ứng vốn từ Quỹ phát triển đất.

b) Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan trong việc bổ sung nguồn vốn hoạt động ngân sách cho Quỹ hàng năm phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan trong việc bổ sung nguồn vốn hoạt động ngân sách cho Quỹ hàng năm phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính tham mưu bố trí nguồn vốn đầu tư ngân sách địa phương để hoàn trả vốn ứng Quỹ theo quy định.

4. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

a) Xác định nhu cầu vốn bồi thường, giải phóng mặt bằng, tạo quỹ đất và phát triển quỹ đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trên địa bàn để lập kế hoạch ứng vốn từ Quỹ phát triển đất.

b) Cân đối và bố trí nguồn vốn ngân sách theo phân cấp để hoàn trả các khoản ứng vốn từ Quỹ theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và đúng thời gian quy định.

5. Tổ chức phát triển quỹ đất và Tổ chức được giao làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư

a) Quản lý chặt chẽ việc sử dụng vốn đúng đối tượng, đúng mục đích, công khai, minh bạch, có hiệu quả, thu hồi và hoàn trả cho Quỹ toàn bộ số vốn đã ứng và phí ứng vốn (nếu có) theo đúng thời gian và phương thức hoàn trả đã theo Quyết định ứng vốn và thỏa thuận trong hợp đồng ứng vốn.

b) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, hợp pháp của số liệu, sự phù hợp với chính sách của việc sử dụng vốn ứng.

6. Quỹ Phát triển đất

a) Hội đồng quản lý Quỹ có trách nhiệm ban hành quy chế, quy trình nghiệp vụ để điều hành hoạt động của Quỹ.

b) Ban kiểm soát Quỹ có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo Quy định này và các quy định khác có liên quan.

c) Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ có trách nhiệm

Thực hiện các nhiệm vụ theo Quy định này

Tiếp nhận hồ sơ ứng vốn để thẩm định, phối hợp với các Sở, ngành có liên quan để thẩm định hồ sơ; lập thủ tục trình cấp có thẩm quyền xem xét quyết định ứng vốn; lập hồ sơ ủy thác cho Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Tuyên Quang ký kết hợp đồng; giải ngân vốn ứng; thu hồi vốn ứng; thanh lý hợp đồng ứng vốn theo quy định.

Quá trình tổ chức thực hiện nếu phát sinh vướng mắc, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị phản ánh bằng văn bản về Quỹ Phát triển đất tỉnh (Sở Tài chính Tuyên Quang - cơ quan thường trực Quỹ) để tổng hợp, báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế và theo đúng các quy định của pháp luật./.